

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP LẠNH HƯNG TRÍ
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 32

UỶ
C
KIỂM
EI
VIỆ
/

...

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP LẠNH HƯNG TRÍ

51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghiệp lạnh Hưng Trí (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đặng Anh Tâm	Chủ tịch
Ông Lâm Thái Bảo	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Tài	Thành viên
Ông Phan Thanh Huân	Thành viên
Ông Fuco Rudyanto Chandra	Thành viên
Bà Võ Thị Thanh Trà	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lâm Thái Bảo	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tài	Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật
Bà Võ Thị Thanh Trà	Phó Tổng Giám đốc Tài chính
Ông Phan Thanh Huân	Phó Tổng Giám đốc Điều hành
Ông Phạm Trần Tiến	Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh (bổ nhiệm ngày 03 tháng 01 năm 2023)

Ban Kiểm soát

Ông Phan Văn Dũng	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Phan Quang Vinh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung	Thành viên

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Lâm Thái Bảo
Tổng Giám đốc

Ngày 05 tháng 4 năm 2024

Số: 0932 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Công nghiệp lạnh Hưng Trí

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Công nghiệp lạnh Hưng Trí (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 05 tháng 4 năm 2024, từ trang 05 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Lương Tuấn Đạt

Giám đốc Kiểm toán

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 4370-2023-001-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 05 tháng 4 năm 2024
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Thị Ngân

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 5248-2020-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm		Số đầu năm	
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		370.443.469.386		442.161.220.142	
I. Tiền	110		42.623.116.563		51.927.964.694	
1. Tiền	111	4	42.623.116.563		51.927.964.694	
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		156.900.000		-	
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		156.900.000		-	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		115.612.209.180		215.918.700.068	
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	127.190.738.668		227.223.153.099	
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	22.556.207.028		18.980.058.731	
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	8.957.917.284		10.573.910.132	
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(43.092.653.800)		(40.858.421.894)	
IV. Hàng tồn kho	140	8	210.539.840.399		172.592.928.713	
1. Hàng tồn kho	141		210.539.840.399		172.592.928.713	
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.511.403.244		1.721.626.667	
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.511.403.244		1.595.166.466	
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	-		126.460.201	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		46.421.927.889		31.534.788.993	
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		16.424.447.008		1.856.970.000	
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5	13.906.295.815		-	
2. Phải thu dài hạn khác	216	7	2.518.151.193		1.856.970.000	
II. Tài sản cố định	220		3.057.148.228		1.206.885.738	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	3.057.148.228		1.206.885.738	
- Nguyên giá	222		10.970.817.918		8.383.304.918	
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.913.669.690)		(7.176.419.180)	
2. Tài sản cố định vô hình	227		-		-	
- Nguyên giá	228		1.407.700.002		1.407.700.002	
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.407.700.002)		(1.407.700.002)	
III. Bất động sản đầu tư	230	10	12.859.172.931		12.859.172.931	
- Nguyên giá	231		12.859.172.931		12.859.172.931	
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-		-	
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	11	13.682.031.993		15.297.817.516	
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.232.031.993		1.347.817.516	
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		12.450.000.000		13.950.000.000	
V. Tài sản dài hạn khác	260		399.127.729		313.942.808	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		399.127.729		313.942.808	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		416.865.397.275		473.696.009.135	

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số	
			cuối năm	đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		256.242.607.840	311.428.086.096
I. Nợ ngắn hạn	310		255.692.607.840	298.974.098.896
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	43.807.474.021	60.533.141.081
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	13	137.540.711.537	114.329.565.543
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	6.316.748.073	9.651.351.367
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	6.235.968.749	5.876.761.960
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	4.301.542.260	4.443.416.392
6. Vay ngắn hạn	320	18	47.747.839.081	93.263.845.577
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	17	4.796.609.759	6.070.939.800
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.945.714.360	4.805.077.176
II. Nợ dài hạn	330		550.000.000	12.453.987.200
1. Vay dài hạn	338	19	550.000.000	12.453.987.200
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		160.622.789.435	162.267.923.039
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	160.622.789.435	162.267.923.039
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		103.683.060.000	101.650.068.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		8.806.058.000	8.806.058.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.509.375.219	2.509.375.219
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.042.063.564	3.795.231.797
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		37.115.167.616	39.200.513.338
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		16.210.853.804	12.514.426.912
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		20.904.313.812	26.686.086.426
6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		6.467.065.036	6.306.676.685
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		416.865.397.275	473.696.009.135

Phan Thị Minh Lan
Người lập biểu/Kế toán trưởng



Lâm Thái Bảo
Tổng Giám đốc

Ngày 05 tháng 4 năm 2024

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	556.808.039.147	596.779.400.420
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		556.808.039.147	596.779.400.420
3. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	23	481.728.931.837	507.734.990.136
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		75.079.107.310	89.044.410.284
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	660.983.064	709.620.754
6. Chi phí tài chính	22	26	4.474.923.585	5.093.248.829
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.976.268.637	4.655.653.771
7. Phần lỗ trong công ty liên kết	24	11	(115.785.523)	(179.313.625)
8. Chi phí bán hàng	25	27	9.798.308.047	15.268.489.250
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	36.229.409.976	35.173.105.112
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		25.121.663.243	34.039.874.222
11. Thu nhập khác	31		2.277.882.506	1.422.877.159
12. Chi phí khác	32		760.618	469.829.051
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		2.277.121.888	953.048.108
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		27.398.785.131	34.992.922.330
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	5.682.879.411	7.621.358.475
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		21.715.905.720	27.371.563.855
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		20.904.313.812	26.686.086.426
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		811.591.908	685.477.429
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	2.016	2.317

Phan Thị Minh Lan
Người lập biểu/Kế toán trưởng



Lâm Thái Bảo
Tổng Giám đốc

Ngày 05 tháng 4 năm 2024

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	27,398,785,131	34,992,922,330
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	737,250,510	561,434,249
Các khoản dự phòng	03	959,901,865	9,502,172,285
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(21,186,324)	115,061,195
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(291,042,329)	(268,924,709)
Chi phí lãi vay	06	3,976,268,637	4,655,653,771
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	32,759,977,490	49,558,319,121
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	83,814,981,066	8,691,087,447
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(37,946,911,686)	(72,256,072,697)
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	5,212,681,830	14,057,996,831
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(85,184,921)	(248,346,463)
Tiền lãi vay đã trả	14	(3,735,531,201)	(4,791,939,411)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(8,399,198,444)	(4,371,229,284)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2,273,460,454)	(2,965,770,053)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	69,347,353,680	(12,325,954,509)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2,587,513,000)	(136,500,000)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(156,900,000)	-
3. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	1,500,000,000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	406,827,852	10,541,553,152
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(837,585,148)	10,405,053,152

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	94.111.955.305	184.191.031.111
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(151.531.949.001)	(121.489.309.219)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(20.389.579.686)	(25.446.546.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(77.809.573.382)	37.255.175.092
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(9.299.804.850)	35.334.273.735
Tiền đầu năm	60	51.927.964.694	16.616.003.232
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(5.043.281)	(22.312.273)
Tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	42.623.116.563	51.927.964.694



Phan Thị Minh Lan
Người lập biểu/Kế toán trưởng



Lâm Thái Bảo
Tổng Giám đốc

Ngày 05 tháng 4 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công nghiệp lạnh Hưng Trí (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Hưng Trí theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301055926 ngày 16 tháng 7 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301055926 sửa đổi lần thứ 24 ngày 27 tháng 12 năm 2023, vốn điều lệ của Công ty là 103.683.060.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 279 người (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 277 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất máy thông dụng khác;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

Hoạt động chính của Công ty là lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về các công ty con và công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ biểu quyết %	Hoạt động chính
Công ty con				
Công ty TNHH Kỹ thuật Công trình Hưng Trí	Thành phố Hồ Chí Minh	85%	100%	Thi công các công trình kho lạnh
Công ty TNHH Năng lượng Xanh Hưng Trí	Thành phố Hồ Chí Minh	90%	100%	Lắp đặt hệ thống điện, điện lạnh
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Goldvest Pacific	Thành phố Hồ Chí Minh	24%	24%	Sản xuất cửa kho lạnh

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

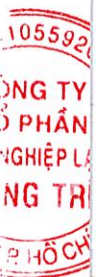
Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc năm tài chính theo các quy định hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.



Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với nguyên vật liệu, giá gốc hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền, bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Đối với các công trình xây dựng, giá gốc hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh, bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 8
Thiết bị văn phòng	3 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa lãi từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình hình thành từ mua sắm và chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các phần mềm máy tính này đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty là bên đi thuê

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm các căn chung cư mà Công ty nắm giữ chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Doanh thu xây dựng

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm. Các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	317.648.970	500.184.432
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	42.305.467.593	51.427.780.262
	42.623.116.563	51.927.964.694

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty Cổ phần Kho lạnh Biển Sáng	9.082.970.000	14.687.660.000
Công ty Cổ phần Pacific Trường Thành	8.274.217.213	8.274.217.213
Công ty TNHH Nhiều Lộc	7.342.560.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hoa Hồng	7.297.558.523	7.297.558.523
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Long Giang	6.000.000.000	14.716.772.715
Công ty Cổ phần Bệnh viện Phương Nam	-	14.516.259.603
Công ty TNHH Meat Deli HN	-	49.148.095.106
Các khách hàng khác	89.193.432.932	118.582.589.939
	127.190.738.668	227.223.153.099
Trong đó:		
Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 30)	10.827.961.099	22.738.699.294
b. Phải thu dài hạn của khách hàng		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Long Giang (*)	7.816.772.715	-
Công ty TNHH B' Lao Food (*)	6.089.523.100	-
	13.906.295.815	-
Trong đó:		
Phải thu dài hạn của khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 30)	7.816.772.715	-

(*) Khoản phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Long Giang và Công ty TNHH B' Lao Food được gia hạn thanh toán với thời hạn trả cuối cùng lần lượt vào năm 2025 và năm 2026 theo biên bản thỏa thuận thanh toán giữa các bên. Theo đó, Công ty phân loại số tiền còn phải thu trên 12 tháng sang khoản phải thu dài hạn của khách hàng.

Như trình bày tại Thuyết minh số 18, Công ty đã thế chấp một phần các khoản phải thu khách hàng bao gồm số tiền gốc và bất kỳ khoản lãi phạt và phạt vi phạm nào để đảm bảo cho khoản tiền vay ngắn hạn tại Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam.

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Mayekawa Việt Nam	7.146.945.021	6.600.204.000
Công ty TNHH Hoàng Tâm	3.685.575.239	-
Công ty TNHH Cách âm cách nhiệt Phương Nam	2.286.971.240	4.355.819.537
Công ty TNHH GEA Việt Nam	-	2.723.400.000
Khác	9.436.715.528	5.300.635.194
	22.556.207.028	18.980.058.731
Trong đó:		
Trả trước cho người bán ngắn hạn là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 30)	3.685.575.239	-

7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Ký cược, ký quỹ	2.406.739.840	4.233.680.934
Phải thu công nhân viên	304.500.000	624.330.203
Phải thu khác	6.246.677.444	5.715.898.995
	8.957.917.284	10.573.910.132
b. Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ	2.518.151.193	1.856.970.000
	2.518.151.193	1.856.970.000
Trong đó:		
Phải thu khác là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 30)	2.663.315.487	2.625.251.367

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	54.647.609.152	-	49.380.101.787	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	155.892.231.247	-	123.212.826.926	-
	210.539.840.399	-	172.592.928.713	-

Như trình bày tại Thuyết minh số 18, Công ty đã thế chấp một phần hàng tồn kho luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh tại toàn bộ kho hàng hiện tại hoặc tương lai của Công ty để đảm bảo cho khoản tiền vay ngắn hạn tại Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam.

(*) Chi tiết các dự án thuộc chi phí sản xuất kinh doanh dở dang triển khai cung cấp cho các khách hàng như sau:

		Số cuối năm	Số đầu năm
		VND	VND
	Khách hàng		
Dự án Panel, Cửa, hệ thống lạnh trung tâm NH3 tại Bà Rịa	Công ty TNHH Phước An	18.608.002.128	-
Dự án Hệ thống lạnh tại Nhà máy Sữa DalatMilk	Công ty Cổ phần Sữa Đà Lạt	14.012.697.787	29.450.000
Dự án Hệ thống lạnh NH3, FREON, điều hòa không khí tại Sóc Trăng	Công ty TNHH Chế biến thực phẩm bánh pía lạp xưởng Tân Huê Viên	18.362.878.386	-
Dự án Hệ thống kho lạnh tại Daklak	Công ty Cổ phần Tập đoàn Xuất - nhập khẩu trái cây Chánh Thu	7.738.751.302	-
Dự án Hệ thống kho lạnh tại Long An	Công ty TNHH Kho Vận Toàn Phát	-	24.519.591.131
Dự án Hệ thống kho lạnh tại KCN Quang Minh	Công ty Cổ phần Woodsland	-	11.675.908.029
Dự án IQF phẳng, IQF tiền đông tại Lâm Đồng	Công ty TNHH B'LaoFood	-	7.065.855.262
Các dự án khác		97.169.901.644	79.922.022.504
		155.892.231.247	123.212.826.926

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	136.500.000	2.374.687.460	5.872.117.458	8.383.304.918
Tăng trong năm	-	-	2.587.513.000	2.587.513.000
Số dư cuối năm	136.500.000	2.374.687.460	8.459.630.458	10.970.817.918
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	11.375.000	2.131.087.351	5.033.956.829	7.176.419.180
Khấu hao trong năm	27.300.000	168.052.853	541.897.657	737.250.510
Số dư cuối năm	38.675.000	2.299.140.204	5.575.854.486	7.913.669.690
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	125.125.000	243.600.109	838.160.629	1.206.885.738
Tại ngày cuối năm	97.825.000	75.547.256	2.883.775.972	3.057.148.228

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 5.579.835.463 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 4.766.347.282 VND).

10. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

	Số cuối năm và số đầu năm		
	Nguyên giá VND	Tổn thất do suy giảm giá trị VND	Giá trị còn lại VND
Các căn hộ chung cư	12.859.172.931	-	12.859.172.931
	12.859.172.931	-	12.859.172.931

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá trị hợp lý
			VND			VND
Đầu tư vào các công ty liên kết						
Công ty Cổ phần Goldvest Pacific	1.014.240.000	1.232.031.993	(i)	1.014.240.000	1.347.817.516	(i)
	1.014.240.000	1.232.031.993		1.014.240.000	1.347.817.516	

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
			VND			VND
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác						
Công ty TNHH Hoàng Tâm (ii)	3.500.000.000	-	(i)	5.000.000.000	-	(i)
Công ty Cổ phần Kho vận Chuyên nghiệp ETC	8.950.000.000	-	(i)	8.950.000.000	-	(i)
	12.450.000.000	-		13.950.000.000	-	

(i) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này tại ngày kết thúc niên độ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý các khoản đầu tư tài chính vào các công ty chưa niêm yết này.

(ii) Theo Quyết định số 04/2023/QĐ ngày 18 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng thành viên, Công ty TNHH Hoàng Tâm quyết định giảm vốn điều lệ từ 50 tỷ VND xuống còn 35 tỷ VND theo hình thức hoàn trả một phần vốn cho các thành viên góp vốn theo tỷ lệ tương ứng. Theo đó, giá trị khoản đầu tư của Công ty vào Công ty TNHH Hoàng Tâm giảm 1,5 tỷ VND theo tỷ lệ vốn chủ sở hữu năm giữ tương ứng. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty đã thu hồi toàn bộ số tiền hoàn trả vốn góp nêu trên.

Trong năm, thay đổi các khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	1.347.817.516	1.527.131.141
Lỗ từ công ty liên kết	(115.785.523)	(179.313.625)
Số cuối năm	1.232.031.993	1.347.817.516

Tình hình hoạt động của công ty liên kết trong năm như sau:

Công ty liên kết	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Goldvest Pacific	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ

Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và công ty liên kết trong năm được trình bày tại Thuyết minh số 30.

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số cuối năm VND
	Giá trị/ Số có khả năng trả nợ	Giá trị/ Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Cách âm cách nhiệt Phương Nam	9.010.346.516	3.803.655.087
Tecumseh Euro-Malaysia Sdn. Bhd.	2.806.175.309	-
Công ty TNHH Cơ điện lạnh Recom	2.017.037.500	2.870.000.000
Công ty TNHH Hoàng Tâm	965.305.000	4.821.911.561
Công ty TNHH Thương mại AC & R Việt Nam	-	13.880.950.677
Các đối tượng khác	29.008.609.696	35.156.623.756
	43.807.474.021	60.533.141.081
Trong đó:		
Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 30)	3.972.342.500	25.447.463.541

13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Xuất - nhập khẩu trái cây Chánh Thu	27.936.306.000	-
Công ty TNHH Chế biến thực phẩm bánh pía lập xưởng Tân Huê Viên	15.000.000.000	-
Công ty TNHH Phước An	14.690.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư GreenLand Việt Nam	14.672.262.000	14.672.262.000
Công ty TNHH Kho vận Toàn Phát	-	24.100.300.000
Công ty Cổ phần Woodsland	-	19.739.954.000
Các đối tượng khác	65.242.143.537	55.817.049.543
	137.540.711.537	114.329.565.543

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế xuất nhập khẩu	126.460.201	712.680.485	586.220.284	-
	126.460.201	712.680.485	586.220.284	-
b. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	2.093.448.393	11.812.811.468	12.402.460.370	1.503.799.491
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.399.198.444	5.682.879.411	8.399.198.444	4.682.879.411
Thuế thu nhập cá nhân	43.074.481	2.072.663.825	1.985.669.135	130.069.171
Thuế và các khoản phải nộp khác	115.630.049	14.040.561	129.670.610	-
	9.651.351.367	19.582.395.265	22.916.998.559	6.316.748.073

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trích trước lương tháng thứ 13	4.719.500.000	4.507.000.000
Chi phí lãi vay	915.499.396	674.761.960
Chi phí khác	600.969.353	695.000.000
	6.235.968.749	5.876.761.960

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải trả cổ tức	3.559.260.564	3.001.898.564
Các khoản trích theo lương	742.281.696	963.695.720
Khác	-	477.822.108
	4.301.542.260	4.443.416.392
Trong đó:		
Phải trả ngắn hạn khác là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 30)	3.000.000.000	3.000.000.000

17. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Số dư đầu năm	6.070.939.800	5.315.073.572
Trích lập dự phòng	4.869.669.959	7.965.731.138
Hoàn nhập chi phí dự phòng	(2.308.900.000)	-
Chi bảo hành	(3.835.100.000)	(7.209.864.910)
Số dư cuối năm	4.796.609.759	6.070.939.800

Số dư dự phòng phải trả ngắn hạn phản ánh các khoản dự phòng cho nghĩa vụ bảo hành sửa chữa các công trình/dự án xây lắp.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP LẠNH HƯNG TRÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

18. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ	Tăng	VND Giảm	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	91.391.397.577	91.391.397.577	78.185.520.105	135.555.513.801	34.021.403.881	34.021.403.881
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Nhuận (i)	52.059.410.649	52.059.410.649	31.640.332.494	62.205.581.202	21.494.161.941	21.494.161.941
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Chợ Lớn (ii)	37.531.986.928	37.531.986.928	31.635.169.611	63.977.831.599	5.189.324.940	5.189.324.940
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam) (iii)	-	-	14.910.018.000	9.372.101.000	5.537.917.000	5.537.917.000
Vay cá nhân (iv)	1.800.000.000	1.800.000.000	-	-	1.800.000.000	1.800.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	1.872.448.000	1.872.448.000	13.726.435.200	1.872.448.000	13.726.435.200	13.726.435.200
(Chi tiết tại thuyết minh số 19)	93.263.845.577	93.263.845.577	91.911.955.305	137.427.961.801	47.747.839.081	47.747.839.081

(i) Thể hiện các khoản vay như sau:

- Khoản vay ngắn hạn của Công ty từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Nhuận theo Hợp đồng tín dụng hạn mức ngày 29 tháng 6 năm 2023 để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Hợp đồng cho vay với hạn mức là 110.000.000.000 VND, thời hạn cấp hạn mức từ ngày 29 tháng 6 năm 2023 đến hết ngày 15 tháng 6 năm 2024. Số dư vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày giải ngân với lãi suất từ 5,5%/năm đến 6,3%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại 315/7 Đường Trần Bình Trọng, Phường 4, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh và Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại 51 Đường Trần Phú, Phường 4, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Hưng Trí Holding - Cổ đông lớn của Công ty.
- Khoản vay ngắn hạn của Công ty TNHH Kỹ thuật Công trình Hưng Trí - công ty con của Công ty từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Nhuận theo hợp đồng tín dụng ngày 25 tháng 10 năm 2023 để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Hợp đồng cho vay với hạn mức là 30.000.000.000 VND, thời hạn cấp hạn mức từ ngày 25 tháng 10 năm 2023 đến hết ngày 15 tháng 10 năm 2024. Số dư vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày giải ngân với lãi suất 7,5%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại 51 Đường Trần Phú, Phường 4, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Hưng Trí Holding - Cổ đông lớn của Công ty.



 CÔNG TY CỔ PHẦN HƯNG TRÍ HOLDING

- (ii) Thể hiện các khoản vay ngắn hạn của Công ty từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn theo Hợp đồng tín dụng hạn mức ngày 28 tháng 6 năm 2023 để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Hợp đồng cho vay với hạn mức là 80.000.000.000 VND, thời hạn cấp hạn mức từ ngày 29 tháng 6 năm 2023 đến hết ngày 15 tháng 6 năm 2024. Số dư vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày giải ngân với lãi suất 5,5%/năm.
- (iii) Thể hiện khoản vay ngắn hạn của Công ty từ Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam theo Thư cấp hạn mức tín dụng ngày 29 tháng 5 năm 2023 để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Hợp đồng cho vay với hạn mức là 46.000.000.000 VND, trong đó dư nợ vay ngắn hạn tối đa 23.000.000.000 VND. Số dư vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày giải ngân với lãi suất 6,3%/năm. Khoản vay được bảo đảm bằng bảo lãnh của Công ty Cổ phần Hưng Trí Holding – Cổ đông lớn của Công ty và các hợp đồng thế chấp khoản phải thu và thế chấp khoản tồn kho được ký kết giữa ngân hàng và Công ty.
- (iv) Phản ánh các khoản vay tín chấp của Công ty từ các cá nhân để bổ sung vốn lưu động mua vật tư, hàng hóa nhập khẩu và các chi phí lắp đặt khác. Thời hạn các khoản vay dưới 12 tháng với lãi suất 8,28%/năm, khoản vay được gia hạn thanh toán nợ gốc trong năm.

Chi tiết các khoản vay cá nhân ngắn hạn như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	VND	VND	VND
Bà Tăng Thị Hồng Phương	1.500.000.000	1.500.000.000		1.500.000.000
Ông Nguyễn Thanh Đồng	300.000.000	300.000.000		300.000.000
	1.800.000.000	1.800.000.000		1.800.000.000

19. VAY DÀI HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
		VND	VND	VND	VND	VND
Vay cá nhân (i)	12.453.987.200	12.453.987.200	2.200.000.000	14.103.987.200	550.000.000	550.000.000
	12.453.987.200	12.453.987.200	2.200.000.000	14.103.987.200	550.000.000	550.000.000

- (i) Phản ánh các khoản vay tín chấp của Công ty từ các cá nhân để bổ sung vốn lưu động mua vật tư, hàng hóa nhập khẩu và các chi phí lắp đặt khác. Thời hạn các khoản vay từ trên 12 tháng đến 24 tháng với lãi suất 3%/năm đến 12%/năm.

Chi tiết các khoản vay cá nhân dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Ông Nguyễn Bảo Trường	5.000.000.000	5.000.000.000
Bà Lê Thị Thu Ba	2.400.000.000	2.400.000.000
Ông Nguyễn Bá Khánh	2.200.000.000	-
Bà Lê Nhật Thuỳ	1.823.987.200	1.823.987.200
Ông Nguyễn Thanh Đồng	750.000.000	750.000.000
Bà Nguyễn Thị Bắc	546.448.000	546.448.000
Ông Trương Văn Phát	300.000.000	300.000.000
Bà Trương Bích Hoa	250.000.000	250.000.000
Bà Nguyễn Thị Hà	200.000.000	200.000.000
Bà Phạm Thị Lê Hoàng	100.000.000	100.000.000
Ông Nguyễn Văn Thành	80.000.000	80.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	26.000.000	26.000.000
Bà Trần Thị Bảo Trân	-	250.000.000
Vay các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 30)	600.000.000	2.600.000.000
	14.276.435.200	14.326.435.200
Trong đó:		
- Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	13.726.435.200	1.872.448.000
- Số phải trả sau 12 tháng	550.000.000	12.453.987.200

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	13.726.435.200	1.872.448.000
Trong năm thứ hai	550.000.000	12.453.987.200
	14.276.435.200	14.326.435.200
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	13.726.435.200	1.872.448.000
Số phải trả sau 12 tháng (được trình bày ở phần vay dài hạn)	550.000.000	12.453.987.200

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP LẠNH HƯNG TRÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2022	101.650.068.000	8.806.058.000	2.546.579.744	3.543.630.412	35.607.848.632	7.034.340.357	159.188.525.145							
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	26.686.086.426	685.477.429	27.371.563.855							
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(2.243.336.451)	(45.716.711)	(2.289.053.162)							
Trích quỹ khác	-	-	-	1.252.548.167	(1.252.548.167)	-	-							
Chi thù lao Ban điều hành	-	-	-	(850.200.000)	-	-	(850.200.000)							
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(20.330.012.000)	(822.900.800)	(21.152.912.800)					
Biến động khác	-	-	(37.204.525)	(150.746.782)	732.474.898	(544.523.590)	1							
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	101.650.068.000	8.806.058.000	2.509.375.219	3.795.231.797	39.200.513.338	6.306.676.685	162.267.923.039							
Tăng vốn trong năm (i)	2.032.992.000	-	-	(2.032.992.000)	-	-	-							
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	20.904.313.812	811.591.908	21.715.905.720							
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (ii)	-	-	-	-	(1.329.823.767)	(34.273.871)	(1.364.097.638)							
Trích quỹ khác (ii)	-	-	-	1.329.823.767	(1.329.823.767)	-	-							
Chi thù lao Ban điều hành	-	-	-	(1.050.000.000)	-	-	(1.050.000.000)							
Chia cổ tức (ii)	-	-	-	-	(20.330.012.000)	(616.929.686)	(20.946.941.686)							
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	103.683.060.000	8.806.058.000	2.509.375.219	2.042.063.564	37.115.167.616	6.467.065.036	160.622.789.435							

- (i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31 tháng 3 năm 2023, Đại hội đồng Cổ đông thông qua việc phát hành cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) từ nguồn quỹ khác với số tiền 2.032.992.000 VND. Cổ phiếu được tự do chuyển nhượng sau 03 năm kể từ ngày phát hành.
- (ii) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31 tháng 3 năm 2023, Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:
- Trích quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu với số tiền 1.124.358.134 VND;
 - Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền 1.124.358.134 VND;
 - Chia cổ tức bằng tiền mặt với số tiền 20.330.012.000 VND.

Theo Quyết định ngày 01 tháng 4 năm 2023, Hội đồng thành viên Công ty TNHH Kỹ thuật Công trình Hưng Trí - công ty con của Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:

- Trích quỹ vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu với số tiền 205.998.421 VND;
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền 205.998.421 VND;
- Chia cổ tức bằng tiền mặt với số tiền 556.195.737 VND cho các cổ đông không kiểm soát.

Theo Quyết định ngày 01 tháng 4 năm 2023, Hội đồng thành viên Công ty TNHH Năng lượng xanh Hưng Trí - công ty con của Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:

- Trích quỹ vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu với số tiền 33.741.083 VND;
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền 33.741.083 VND;
- Chia cổ tức bằng tiền mặt với số tiền 60.733.949 VND cho các cổ đông không kiểm soát.

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã bán ra	10.368.306	10.165.007
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>10.368.306</i>	<i>10.165.007</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.368.306	10.165.007
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>10.368.306</i>	<i>10.165.007</i>

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 24 ngày 27 tháng 12 năm 2023, vốn điều lệ của Công ty là 103.683.060.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn điều lệ đã được góp đủ với số tiền là 103.683.060.000 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 101.650.068.000 VND).

	Vốn đã góp			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Hưng Trí Holding	23.727.570.000	22,88%	71.468.170.000	70,31%
Ông Nguyễn Bá Trí	18.619.340.000	17,96%	6.312.470.000	6,21%
Ông Đặng Anh Tâm	7.875.190.000	7,60%	2.080.260.000	2,05%
Bà Lâm Ngọc Thu	7.850.620.000	7,57%	5.646.030.000	5,55%
Ông Bùi Quốc Hưng	7.604.340.000	7,33%	3.188.130.000	3,14%
Ông Đặng Thoại Thành	3.662.940.000	3,53%	3.235.800.000	3,18%
Các cổ đông khác	34.343.060.000	33,12%	9.719.208.000	9,56%
	103.683.060.000	100,00%	101.650.068.000	100,00%

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đô la Mỹ (USD)	2.779	81.225
Euro (EUR)	523	548

Tài sản thuê ngoài

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn:		
Trong vòng một năm	1.654.225.680	1.654.225.680
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	4.234.302.720	4.234.302.720
Từ năm thứ năm	3.626.846.640	3.626.846.640
	9.515.375.040	9.515.375.040

Các khoản thanh toán thuê hoạt động bao gồm:

- Số tiền thuê 223,35 m² tại địa chỉ 49-51 Trần Phú và 315/7 Trần Bình Trọng, Phường 04, Quận 05, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời hạn thuê từ ngày 01 tháng 4 năm 2022 đến ngày 01 tháng 4 năm 2032 với giá thuê hàng tháng là 323.400 VND/m² và phí quản lý, dịch vụ hàng tháng là 72.000 VND/m².
- Số tiền thuê 1.909,8 m² nhà xưởng tại địa chỉ số C10/29C Quốc lộ 1A, Khu phố 3, Thị trấn Tân Túc, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời hạn thuê từ ngày 01 tháng 02 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 với giá thuê hàng tháng là 68.400.000 VND/tháng.

22. DOANH THU BÁN HÀNG HÓA VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu hợp đồng xây dựng	509.055.481.133	567.490.284.037
Doanh thu bán hàng hóa	47.752.558.014	29.289.116.383
	556.808.039.147	596.779.400.420
Trong đó:		
Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 30)	6.282.446.770	4.214.230.422

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn hợp đồng xây dựng	451.707.984.445	488.540.259.333
Giá vốn bán hàng hóa	30.020.947.392	19.194.730.803
	481.728.931.837	507.734.990.136

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	381.928.478.853	443.951.936.323
Chi phí nhân công	63.576.877.076	58.018.964.059
Chi phí khấu hao tài sản cố định	737.250.510	561.434.249
Chi phí dịch vụ mua ngoài	69.665.720.975	60.931.830.333
Chi phí bảo hành	2.560.769.959	7.965.731.138
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	2.234.231.906	8.746.306.057
Chi phí khác	9.711.777.510	10.480.700.422
	530.415.106.789	590.656.902.581

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	146.643.355	60.667.017
Cổ tức, lợi nhuận được chia	406.827.852	268.924.709
Lãi chênh lệch tỷ giá	107.511.857	380.029.028
	660.983.064	709.620.754

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	3.976.268.637	4.655.653.771
Lỗ chênh lệch tỷ giá	498.654.948	437.595.058
	4.474.923.585	5.093.248.829

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	20.813.650.635	14.260.815.583
Chi phí đồ dùng văn phòng	510.156.550	298.418.884
Chi phí khấu hao tài sản cố định	457.818.960	328.090.917
Thuế, phí, lệ phí	1.704.601.284	1.701.388.131
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	2.234.231.906	8.746.306.057
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.103.602.117	2.156.695.664
Chi phí khác	7.405.348.524	7.681.389.876
	36.229.409.976	35.173.105.112
Các khoản chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên bán hàng	6.330.067.812	6.304.189.468
Chi phí khấu hao tài sản cố định	316.420.834	233.343.332
Chi phí bảo hành	2.560.769.959	7.965.731.138
Chi phí dịch vụ mua ngoài	556.280.774	728.794.477
Chi phí khác	34.768.668	36.430.835
	9.798.308.047	15.268.489.250

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	5.682.879.411	7.209.645.629
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	411.712.846
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.682.879.411	7.621.358.475

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước (trình bày lại) VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	20.904.313.812	26.686.086.426
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	(2.659.647.534)
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	(1.329.823.767)
- Trích quỹ khác	-	(1.329.823.767)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	20.904.313.812	24.026.438.892
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	10.368.306	10.368.306
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.016	2.317

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty chưa thực hiện trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ khác do đó chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể thay đổi khi Đại hội đồng cổ đông phê duyệt việc trích lập các quỹ này.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được trình bày lại do ảnh hưởng của việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông của Công ty, các Công ty con và việc phát hành cổ phiếu thưởng theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Công ty (xem Thuyết minh số 20). Cụ thể như sau:

	Số đã báo cáo	Số trình bày lại
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	26.686.086.426	26.686.086.426
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	(2.659.647.534)
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(1.329.823.767)
- Trích quỹ khác	-	(1.329.823.767)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	26.686.086.426	24.026.438.892
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	10.165.007	10.368.306
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.625	2.317

30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Hưng Trí Holding	Cổ đông lớn
Ông Nguyễn Bá Trí	Cổ đông
Ông Đặng Anh Tâm	Cổ đông/Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Công ty TNHH Hoàng Tâm	Công ty chung nhân sự chủ chốt
Công ty TNHH Bao Bì và Cơ điện lạnh Ba Huân	Công ty chung nhân sự chủ chốt
Công ty TNHH Thương mại AC & R Việt Nam	Công ty chung nhân sự chủ chốt
Công ty TNHH Kỹ thuật lạnh RECOM	Công ty chung nhân sự chủ chốt
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Cơ điện lạnh Hưng Trí	Công ty chung nhân sự chủ chốt
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Long Giang	Công ty chung nhân sự chủ chốt
Công ty Cổ phần Goldvest Pacific	Công ty liên kết

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Doanh thu bán hàng hóa	6.282.446.770	4.214.230.422
Công ty TNHH Hoàng Tâm	5.709.930.820	2.532.673.865
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Cơ điện Lạnh Hưng Trí	221.533.350	178.828.000
Công ty TNHH Bao bì và Cơ điện Lạnh Ba Huân	160.982.600	119.537.000
Công ty Cổ phần Hưng Trí Holding	190.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại AC&R Việt Nam	-	823.854.600
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Long Giang	-	544.546.957
Công ty TNHH Kỹ thuật Lạnh RECOM	-	14.790.000
Mua hàng hóa, dịch vụ	72.611.312.797	150.262.525.140
Công ty TNHH Hoàng Tâm	66.988.356.078	83.554.300.409
Công ty TNHH Thương mại AC&R Việt Nam	2.772.817.700	51.360.155.290
Công ty Cổ phần Hưng Trí Holding	1.769.442.989	1.586.681.813
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Cơ điện Lạnh Hưng Trí	540.000.000	720.000.000
Công ty TNHH Kỹ thuật Lạnh RECOM	308.625.000	10.719.557.496
Công ty Cổ phần Goldvest Pacific	143.571.030	1.259.830.132
Công ty TNHH Bao bì và Cơ điện Lạnh Ba Huân	88.500.000	1.062.000.000
Lợi nhuận, cổ tức được chia	406.827.852	268.924.709
Công ty TNHH Hoàng Tâm	406.827.852	268.924.709
Chia cổ tức	15.752.330.000	15.752.330.000
Công ty Cổ phần Hưng Trí Holding	14.293.634.000	14.293.634.000
Ông Nguyễn Bá Trí	1.042.644.000	1.042.644.000
Ông Đặng Anh Tâm	416.052.000	416.052.000
Nhận gốc vay	-	2.000.000.000
Ông Nguyễn Bá Trí	-	2.000.000.000
Trả gốc vay	2.000.000.000	-
Ông Nguyễn Bá Trí	2.000.000.000	-
Thu nhập khác	806.407.117	733.576.455
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Long Giang	806.407.117	733.576.455
Chi phí lãi vay	33.480.000	21.191.137
Ông Đặng Anh Tâm	33.480.000	21.191.137

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	10.827.961.099	22.738.699.294
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Long Giang	6.000.000.000	14.716.772.715
Công ty TNHH Hoàng Tâm	4.650.880.239	7.887.377.879
Công ty TNHH Bao Bì và Cơ Điện Lạnh Ba Huân	177.080.860	131.490.700
Công ty TNHH Thương Mại AC & R Việt Nam	-	3.058.000
Phải thu dài hạn của khách hàng	7.816.772.715	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Long Giang	7.816.772.715	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn	3.685.575.239	-
Công ty TNHH Hoàng Tâm	3.685.575.239	-
Phải thu khác ngắn hạn	2.663.315.487	2.625.251.367
Công ty TNHH Bao Bì và Cơ Điện Lạnh Ba Huân	1.856.970.000	1.856.970.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Long Giang	482.838.774	705.041.923
Công ty Cổ phần Goldvest Pacific	161.447.690	-
Ông Đặng Anh Tâm	54.512.950	52.294.521
Ông Nguyễn Văn Tài	43.495.000	-
Ông Nguyễn Bá Trí	26.173.823	9.822.923
Ông Phan Thanh Huân	22.151.500	-
Ông Lâm Thái Bảo	15.725.750	-
Công ty TNHH Thương Mại AC&R Việt Nam	-	1.122.000
Phải trả người bán ngắn hạn	3.972.342.500	25.447.463.541
Công ty TNHH Kỹ thuật Lạnh RECOM	2.017.037.500	2.870.000.000
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Cơ điện Lạnh Hưng Trí	990.000.000	1.052.400.000
Công ty TNHH Hoàng Tâm	965.305.000	4.821.911.561
Công ty TNHH Thương mại AC&R Việt Nam	-	13.880.950.677
Công ty Cổ phần Goldvest Pacific	-	1.852.015.063
Công ty Cổ phần Hưng Trí Holding	-	828.781.240
Công ty TNHH Bao bì và Cơ điện Lạnh Ba Huân	-	141.405.000
Phải trả ngắn hạn khác	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Hưng Trí Holding	3.000.000.000	3.000.000.000
Vay	600.000.000	2.600.000.000
Ông Đặng Anh Tâm	600.000.000	600.000.000
Ông Nguyễn Bá Trí	-	2.000.000.000

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	5.339.018.000	4.929.661.646

31. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền thu từ vốn góp của chủ sở hữu trong năm không bao gồm 2.032.992.000 VND (năm trước: 0 VND) là vốn góp chủ sở hữu tăng thêm thông qua việc phát hành cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động từ nguồn quỹ khác.



Phan Thị Minh Lan
Người lập biểu/Kế toán trưởng



Lâm Thái Bảo
Giám đốc

Ngày 05 tháng 4 năm 2024